

BỘ CÔNG AN-BỘ LAO
ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI-BỘ QUỐC
PHÒNG

Số: 05/2000/TTLT-
BLĐTBXH-BQP-BCA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2000

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

SỐ 05/2000/TT-LT-BLĐTBXH-BQP-BCA ngày 18 tháng 2 năm 2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Quốc phòng - Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 94/1999/NĐ-CP ngày 8/9/1999 của chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của điều lệ bảo hiểm xã hội đối với quân đội và công an

ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ

Thi hành Nghị định số 94/1999/NĐ-CP ngày 8/9/1999 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân và công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ; sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 5898 TC/HCSN ngày 19/11/1999, liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Quốc phòng - Công an hướng dẫn thực hiện như sau:

I. CÁC CHẾ ĐỘ ĐƯỢC HƯỞNG

1. Chế độ đối với quân nhân, công an nhân dân hưởng lương nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 23 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 94/1999/NĐ-CP quy định như sau:

a. Nam đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi, nữ đủ 45 tuổi đến dưới 50 tuổi và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên thì cách tính lương hưu thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ, nhưng cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi 55 đối với nam, 50 tuổi đối với nữ thì giảm đi 1 % mức bình quân của iền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ:

Đồng chí thiếu tá Trần Văn An, 51 tuổi, có 26 năm đóng bảo hiểm xã hội, không đủ điều kiện nghỉ hưu theo khoản 4, Điều 23 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995, bị suy giảm khả năng lao động 61%, nghỉ hưu tháng 10/1999. Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng của đồng chí An được tính như sau:

Tỷ lệ (%) để tính lương hưu theo khoản 1 - Điều 25 - Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP:

26 năm tính bằng 67%.

Tỷ lệ (%) tính giảm do nghỉ hưu trước tuổi 55 (đối với nam) theo Nghị định số 94/1999/NĐ-CP;

$(55 \text{ tuổi} - 51 \text{ tuổi}) \times 1\% = 4\%$

- Tỷ lệ (%) để tính lương hưu theo Nghị định số 94/1999/NĐ-CP

$67\% - 4\% = 63\%$

b. Quân nhân, công an nhân dân hưởng lương đã có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề đặc biệt nặng nhọc, đặc biệt độc hại mà bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên thì cách tính lương hưu thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ, nhưng cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi 50 đối với nam, 45 tuổi đối với nữ thì giảm đi 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ:

Đồng chí trung tá Nguyễn Hoàng Quân, 43 tuổi, có 22 năm đóng bảo hiểm xã hội trong đó có 15 năm làm nghề đặc biệt nặng nhọc, bị suy giảm khả năng lao động 63%, nghỉ hưu tháng 11/1999. Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng của đồng chí Quân được tính như sau:

- Tỷ lệ (%) để tính lương hưu theo khoản 1 - Điều 25 - Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP.

22 năm tính bằng 59%.

- Tỷ lệ (%) tính giảm do nghỉ hưu trước tuổi 50 (đối với nam) theo Nghị định số 94/1999/NĐ-CP:

$$(50 \text{ tuổi} - 43 \text{ tuổi}) \times 1\% = 7\%$$

- Tỷ lệ (%) để tính lương hưu theo Nghị định số 94/1999/NĐ-CP.

$$59\% - 7\% = 52\%$$

c. Quân nhân, công an nhân dân hưởng lương có đủ 30 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, nam đủ 50 tuổi, đến dưới 55 tuổi, nữ đủ 45 tuổi đến dưới 50 tuổi thì khi nghỉ hưu được hưởng lương hưu như cách tính quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ, không phải tính giảm tỷ lệ % và không phải qua giám định khả năng lao động.

Ví dụ:

Đồng chí thượng tá Trương Hữu Hào (nam), 50 tuổi, có 30 năm đóng bảo hiểm xã hội, nghỉ hưu tháng 12/1999. Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng của đồng chí Hào được tính như sau:

- Tỷ lệ (%) để tính lương hưu theo khoản 1 - Điều 25 - Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP:

+ 15 năm tính bằng 45%.

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 30 tính thêm 30%.

Tổng cộng: 75%

- Tỷ lệ (%) để tính lương hưu theo Nghị định số 94/1999/NĐ-CP:

+ 30 năm tính bằng 75%

2. Chế độ đối với quân nhân, công an nhân dân hưởng lương chuyển sang làm công việc khác (bao gồm chuyển tại chỗ sang hưởng chế độ công nhân viên chức quốc phòng, công nhân viên chức công an hoặc chuyển ngành sang cán bộ công nhân viên chức Nhà nước), được bổ sung theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 94/1999/NĐ-CP quy định như sau:

a. Quân nhân, công an nhân dân hưởng lương đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo mức tiền lương thuộc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (theo danh mục nghề do Bộ Lao động - Thương binh

và xã hội quy định) đủ 15 năm trở lên mà chuyển sang làm công việc khác đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương thấp hơn thì nghỉ hưu được lấy các mức lương đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm liền kề làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để làm cơ sở tính lương hưu:

Ví dụ:

Đồng chí Nguyễn Minh Đức, thượng úy quân nhân chuyên nghiệp, thủ kho nguyên liệu, đủ điều kiện nghỉ hưu tháng 2/2000 có đủ 15 năm làm nghề độc hại, nguy hiểm.

Quá trình diễn biến lương của đồng chí Đức như sau:

Tháng 6/1974 nhập ngũ; tháng 8/1977 thiếu úy quân nhân chuyên nghiệp thợ sửa chữa đạn, trình độ sơ cấp; tháng 8/1987 trung úy quân nhân chuyên nghiệp hưởng lương chuyển đổi sang hệ số 3,4; tháng 8/1989 thượng úy quân nhân chuyên nghiệp hưởng lương chuyển đổi sang hệ số 3,65.

Tháng 8/1992 chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng, thủ kho nguyên liệu, hưởng lương nhóm II bậc 5/7 chuyển đổi sang hệ số 2,49; tháng 8/1998 chuyển sang chế độ quân nhân chuyên nghiệp, hưởng lương sơ cấp nhóm 3, bậc 8/10; hệ số 3,5, phiên quân hàm thượng úy; nghỉ hưu tháng 2/2000.

Cách tính mức bình quân tiền lương tháng để làm căn cứ tính lương hưu:

+ Tính mức bình quân tiền lương cao nhất của 5 năm liền kề làm công việc độc hại, nguy hiểm:

- Từ tháng 8/1987 đến tháng 7/1989 là 24 tháng; hệ số 3,4; thâm niên 15%:

$180.000đ \times 3,4 \times 1,15 \times 24 \text{ tháng} = 16.891.200đ$

- Từ tháng 8/1989 đến tháng 7/1992 là 36 tháng; hệ số 3,65; thâm niên 18%:

$180.000đ \times 3,65 \times 1,18 \times 36 \text{ tháng} = 27.909.360đ$

+ Lương bình quân: $(16.891.200 + 27.909.360) : 60 = 746.676đ$

b. Quân nhân, công an nhân dân hưởng lương có đủ 20 năm tuổi quân trở lên, theo yêu cầu của tổ chức, được cấp có thẩm quyền (theo Luật Sĩ quan và Điều lệ quân nhân chuyên nghiệp của Quân đội nhân dân; Pháp lệnh về lực lượng An ninh, Pháp lệnh về Cảnh sát nhân dân) quyết định chuyển sang chế độ công nhân viên chức quốc phòng, công nhân viên chức ngành công an hoặc điều động sang công tác tại